

TEACHING SKILLS OF PRE-SERVICE PRIMARY EDUCATION STUDENTS IN THE BLENDED LEARNING CONTEXT: A THEORETICAL AND EMPIRICAL STUDY

Nguyen Van Hung

Email: hungnv.gdth@gmail.com

VNU University of Education,
Vietnam National University, Hanoi
VNU Town, Hoa Lac
Hanoi, Vietnam

Received: 11/5/2026

Revised: 09/6/2026

Accepted: 20/7/2026

Published: 20/8/2026

Abstract: This paper examines teaching skills of pre-service primary education students in the blended learning context. Through a systematic review of theoretical literature, the study identifies four fundamental teaching skills comprising lesson design, digital learning material development, pedagogical communication, and ICT application in teaching. Findings from a large-scale empirical survey indicate that while students' overall proficiency in these skills reaches a satisfactory level, a considerable gap persists between their technical digital competence and pedagogical digital competence. Specifically, students demonstrate clear advantages in using ICT tools but deal with significant difficulties when independently developing specialized digital learning materials. Analysis across years of study confirms a cumulative pattern of skill development; however, the implementation of blended learning at teacher training institutions remains largely superficial and lacks purposeful instructional design. On this basis, the paper proposes recommendations regarding curriculum design and approaches to developing teaching skills for pre-service primary education students within a blended learning framework, with the aim of narrowing the gap between technological competences and teaching practice, thereby contributing to the enhancement of teacher education quality in the digital age.

Keywords: *Teaching skills, primary education, blended learning, pedagogical digital competence, teacher education.*

MỘT SỐ KĨ NĂNG DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRONG BỐI CẢNH DẠY HỌC KẾT HỢP: NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Văn Hưng

Email: hungnv.gdth@gmail.com

Trường Đại học Giáo dục,
Đại học Quốc gia Hà Nội
Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội
Hòa Lạc, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 11/5/2026

Chỉnh sửa xong: 09/6/2026

Chấp nhận đăng: 20/7/2026

Xuất bản: 20/8/2026

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu về các kĩ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp. Bằng cách hệ thống hóa lí luận, nghiên cứu đã xác định cấu trúc bốn kĩ năng dạy học cơ bản bao gồm thiết kế bài học, xây dựng học liệu số, giao tiếp sư phạm và ứng dụng công nghệ thông tin. Kết quả khảo sát thực tiễn trên diện rộng cho thấy dù mức độ thành thạo các kĩ năng này đạt ngưỡng khá nhưng vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa năng lực kĩ thuật số và năng lực sư phạm số. Cụ thể, sinh viên thể hiện ưu thế vượt trội trong việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin nhưng lại gặp khó khăn đáng kể khi trực tiếp xây dựng các nội dung học liệu số chuyên biệt. Phân tích theo tiến trình đào tạo khẳng định sự phát triển năng lực có tính tích lũy rõ rệt qua các năm học, tuy nhiên thực trạng triển khai dạy học kết hợp tại các cơ sở đào tạo vẫn còn mang tính hình thức và thiếu sự thiết kế có chủ đích. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những gợi ý về việc xây dựng chương trình, cách thức rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo hình thức kết hợp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa kĩ năng công nghệ với thực tiễn giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trong kỉ nguyên số.

Từ khóa: *Kĩ năng dạy học, giáo dục tiểu học, dạy học kết hợp, năng lực sư phạm số, đào tạo giáo viên.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục tiểu học giữ vị trí nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, là giai đoạn then chốt đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực của người học. Chất lượng giáo dục ở cấp học này phụ thuộc trực tiếp vào năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, trong đó kỹ năng dạy học được xem là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả của quá trình giáo dục. Trong bối cảnh thế giới bước vào kỷ nguyên số, giáo viên không chỉ cần truyền đạt kiến thức mà còn cần biết áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và hiện đại để giúp người học phát triển năng lực quan trọng như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và tự học (Darling-Hammond và cộng sự, 2017).

Ở Việt Nam, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đã đánh dấu bước chuyển căn bản từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Trong bối cảnh đó, giáo viên tiểu học không chỉ đóng vai trò truyền thụ kiến thức mà phải trở thành người tổ chức, hướng dẫn và điều khiển các hoạt động học tập tích cực, phát huy tính chủ động và khả năng vận dụng kiến thức của người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Những yêu cầu này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với quá trình rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại các cơ sở đào tạo giáo viên.

Song song với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, bối cảnh chuyển đổi số đang thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng dạy học kết hợp trong đào tạo giáo viên. Dạy học kết hợp được định nghĩa là sự tích hợp có chủ đích và có giá trị sự phạm giữa môi trường học tập trực tiếp và trực tuyến (Graham, 2006; Dziuban và các cộng sự, 2004), tạo ra không gian thực hành linh hoạt, tăng cường cơ hội luyện tập lặp lại và phản hồi liên tục, đồng thời hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học tập thông qua các nền tảng công nghệ (Horn và Staker, 2014). Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng được tích hợp vào thiết kế dạy học, yêu cầu đối với kỹ năng dạy học của giáo viên lại càng đòi hỏi sự thành thạo trong ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy (Mishra và Koehler, 2006).

Một số nghiên cứu gần đây cho thấy, việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm tiếp tục là yêu cầu quan trọng trong đào tạo giáo viên. Hà Thị Lan Hương và cộng sự (2021) nhấn mạnh vai trò của các hoạt động thực hành trong rèn luyện kỹ năng sư phạm, trong khi Thảo và cộng sự (2024) khẳng định tầm quan trọng ngày càng tăng của năng lực

công nghệ thông tin đối với giáo viên tương lai. Điều này cho thấy, cần tiếp tục đổi mới hoạt động rèn luyện kỹ năng dạy học theo hướng tăng cường thực hành và ứng dụng công nghệ.

Những nghiên cứu về kỹ năng dạy học đã xác lập được nhiều cơ sở lý luận quan trọng (Shulman, 1986; Gage, 1968; Phan Thanh Long, 2004; Nguyễn Thị Nhân, 2016) và đề xuất cách thức đa dạng để rèn luyện kỹ năng dạy học có giá trị (Darling-Hammond và các cộng sự, 2017). Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu tại Việt Nam tập trung phân tích các kỹ năng dạy học cần ưu tiên phát triển cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp. Đây là khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới đào tạo giáo viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Xuất phát từ việc nghiên cứu lý luận và thực trạng, bài báo làm rõ ba vấn đề chủ yếu. Một là, xây dựng khung lý luận về kỹ năng dạy học của sinh viên đang theo học ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp, bao gồm hệ thống hóa khái niệm, xác định cấu trúc và làm rõ vai trò đặc thù của từng kỹ năng trong môi trường dạy học kết hợp. Hai là, phân tích thực trạng mức độ thành thạo và trải nghiệm rèn luyện kỹ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học bằng cách khảo sát sinh viên đang học tại một số trường đại học có ngành đào tạo giáo viên tiểu học trên cả nước. Ba là, trên cơ sở đối chiếu giữa khung lý luận và kết quả phân tích thực trạng, tác giả đưa ra một số khuyến nghị có tính định hướng cho các cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học trong việc tổ chức rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo hình thức dạy học kết hợp. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế chương trình và đổi mới phương pháp đào tạo giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp chặt chẽ giữa việc tìm hiểu lý luận và khảo sát thực trạng. Về mặt lý luận, tác giả tiến hành tổng hợp tài liệu nhằm xây dựng khung lý thuyết, xác định cấu trúc và bộ tiêu chí đánh giá bốn kỹ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp. Đối với phương pháp định lượng, dữ liệu được thu thập từ tổng mẫu gồm 450 khách thể, được chọn lọc có chủ đích tại 05 trường đại học sư phạm hoặc trường đại học có đào tạo giáo viên tiểu học.

Dữ liệu được thu thập từ sinh viên thông qua phiếu hỏi được thiết kế trên Google form, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, tập trung đo lường mức độ thành thạo và thực trạng rèn luyện bốn kỹ năng dạy học. Dữ liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, phần mềm thống kê SPSS 27.0 và biểu đồ được tạo bởi phần mềm R.

Trong quá trình tìm kiếm và tổng quan tài liệu, tác giả có dùng công cụ trí tuệ nhân tạo Perplexity để hỗ trợ tra cứu các nguồn tài liệu học thuật. Toàn bộ thông tin do công cụ này cung cấp đã được kiểm chứng thủ công với văn bản gốc trước khi đưa vào bài báo. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác và chất lượng khoa học của bản thảo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khung lý luận về kỹ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp

3.1.1. Khái niệm kỹ năng dạy học

Theo N.L. Gage (1968), kỹ năng dạy học là những hoạt động và quy trình giảng dạy cụ thể mà giáo viên có thể sử dụng trong lớp học, gắn liền với các giai đoạn khác nhau của quá trình dạy học. Shulman (1986) tiếp cận từ góc độ cơ sở tri thức, nhấn mạnh rằng hiệu quả giảng dạy không phụ thuộc vào các kỹ năng, kỹ thuật rời rạc mà dựa trên sự tích hợp của nhiều thành tố tri thức chuyên môn và sư phạm, đặc biệt là nội dung sư phạm. Sự pha trộn đặc biệt giữa nội dung và sư phạm, cho phép giáo viên chuyển hóa kiến thức chuyên môn thành những hình thức phù hợp, dễ hiểu đối với người học. Darling-Hammond (2017) nhìn nhận kỹ năng dạy học là năng lực thực hành sư phạm dựa trên bằng chứng, được xây dựng thông qua quá trình học tập bên bờ, có sự hỗ trợ của chuyên gia và cộng tác đồng nghiệp. Hà Thị Lan Hương và cộng sự (2021) khẳng định kỹ năng dạy học là yếu tố cốt lõi có vai trò quyết định đối với chất lượng giáo dục và sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên, thậm chí có ý nghĩa quan trọng hơn so với tri thức chuyên môn thuần túy.

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy, kỹ năng dạy học là hệ thống các hành động sư phạm được thực hiện có ý thức, linh hoạt và ngày càng thành thạo hơn qua thực hành, nhằm tổ chức các hoạt động học tập hiệu quả cho học sinh tiểu học, phù hợp với mục tiêu giáo dục, nội dung chương trình và đặc điểm phát triển của lứa tuổi.

3.1.2. Đặc điểm kỹ năng dạy học

Tính biểu hiện cụ thể qua hành động: Khác với kiến

thức lý thuyết tồn tại bên trong chủ thể, kỹ năng dạy học cần thể hiện ra bên ngoài thông qua các hành động có thể quan sát, trình diễn và đánh giá được trong thực tế lớp học (Gage, 1968). Đặc điểm này là cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện và xây dựng công cụ đánh giá kỹ năng dạy học một cách khách quan, có căn cứ.

Tính phát triển: Kỹ năng dạy học không phải yếu tố bẩm sinh mà được hình thành và hoàn thiện dần qua quá trình học tập, rèn luyện và thực hành có hướng dẫn. Quá trình này diễn ra theo tiến trình từ nhận thức lý luận, quan sát mẫu, thực hành vi mô đến thực hành trong môi trường thực tiễn (Darling-Hammond và cộng sự, 2017).

Tính phức hợp và hệ thống: Kỹ năng dạy học không phải tập hợp các kỹ năng rời rạc mà là sự tích hợp có cấu trúc của nhiều loại tri thức và năng lực trong hoạt động sư phạm. Shulman (1987) chỉ ra rằng, năng lực dạy học cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức chuyên môn, sự hiểu biết về đối tượng học tập và các phương pháp dạy học. Đồng thời, các kỹ năng liên kết chặt chẽ với nhau theo tiến trình từ thiết kế, tổ chức thực hiện đến đánh giá và điều chỉnh, tạo thành một chỉnh thể vận hành thống nhất (Hà Thị Lan Hương và cộng sự, 2021).

Tính chuyên biệt theo bậc học: Kỹ năng dạy học mang tính đặc thù rõ rệt theo từng bậc học do đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu học tập của người học ở mỗi bậc là khác nhau. Ở cấp Tiểu học, tư duy học sinh mang tính trực quan cụ thể, khả năng tập trung có giới hạn và nhu cầu học tập thông qua trải nghiệm, trò chơi và tương tác cao. Do đó, kỹ năng dạy học của giáo viên tiểu học đòi hỏi cần có sự trực quan hóa nội dung, vận dụng trò chơi học tập và tạo ra môi trường lành mạnh để trẻ học tập hiệu quả (Darling-Hammond và các cộng sự, 2017; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

3.1.3. Cấu trúc kỹ năng dạy học

Theo Galperin (1969), kỹ năng bao gồm ba thành phần cơ bản: Cơ sở tri thức, hệ thống thao tác và cơ chế điều chỉnh. Trong lĩnh vực dạy học, Trần Kiều (2018) chi tiết hóa cấu trúc vận hành thành bốn thành tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Hệ thống thao tác là tập hợp các hành động cụ thể mà giáo viên thực hiện trong quá trình tổ chức dạy học, đòi hỏi tính chính xác về chuyên môn và sự phù hợp với đặc điểm tư duy của người học. *Trình tự logic* phản ánh cách tổ chức các thao tác theo tiến trình hợp lý, từ trực quan đến trừu tượng, từ trải nghiệm cụ thể đến hình thành tri thức. *Quá trình điều chỉnh thể*

hiện tính linh hoạt của kĩ năng dạy học, đòi hỏi giáo viên có khả năng quan sát tinh tế và phản ứng kịp thời trước những thay đổi về nhận thức và cảm xúc của người học. *Nhịp độ thực hiện* phản ánh sự phân phối hợp lí về thời gian và cường độ trong suốt tiến trình bài học, đảm bảo sự cân đối giữa các hình thức hoạt động nhằm duy trì hiệu quả học tập mà không gây quá tải nhận thức.

3.1.4. *Dạy học kết hợp và những kĩ năng dạy học cần rèn luyện cho sinh viên*

Dạy học kết hợp được hiểu là sự tích hợp có chủ đích và có giá trị sư phạm giữa môi trường học tập trực tiếp và trực tuyến, trong đó một phần thời gian học tập trực tiếp được thay thế bằng các hoạt động trực tuyến nhằm tối ưu hóa trải nghiệm học tập (Graham, 2006). Dziuban, Hartman và Moskal (2004) nhấn mạnh dạy học kết hợp không phải sự ghép nối cơ học mà là triết lí giáo dục lấy người học làm trung tâm, trong đó công nghệ được dùng có chủ đích để mở rộng những gì không thể thực hiện trong lớp học truyền thống. Tại Việt Nam, dạy học kết hợp phát triển mạnh từ năm 2016 và bùng nổ sau COVID-19, đang dần trở thành hình thức tổ chức dạy học quan trọng trong các cơ sở đào tạo giáo viên (Hoàng Trang và cộng sự, 2020).

Việc xác định các kĩ năng dạy học cần ưu tiên rèn luyện trong môi trường dạy học kết hợp được dựa trên ba căn cứ chính. Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT về Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí về chuyên môn nghiệp vụ mà giáo viên tiểu học cần đáp ứng trong thực tiễn, trong đó nhấn mạnh năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học, sử dụng phương pháp và phương tiện phù hợp với người học. Bên cạnh đó, đặc thù của môi trường dạy học kết hợp đòi hỏi giáo viên phải có thêm năng lực xây dựng học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin để có thể vận hành phần trực tuyến, phân biệt căn bản với dạy học truyền thống (Mishra và Koehler, 2006; Graham, 2006). Ngoài ra, các kĩ năng được lựa chọn phải hình thành và được kiểm chứng được qua dạy học vi mô và thực hành sư phạm trong điều kiện đào tạo thực tế. Từ những căn cứ trên, nghiên cứu xác định bốn kĩ năng dạy học cần rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp.

Kĩ năng thiết kế bài học là khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng và điều kiện dạy học. Trong môi

trường dạy học kết hợp, kĩ năng này đòi hỏi thêm khả năng phân bổ hợp lí nội dung và hoạt động giữa phần trực tiếp và phần trực tuyến, đảm bảo tính liên tục và nhất quán trong toàn bộ tiến trình bài học. Kĩ năng xây dựng học liệu số là khả năng thiết kế, điều chỉnh và tổ chức các học liệu dạng số nhằm hỗ trợ quá trình dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc điểm của người học. Kĩ năng này bao gồm việc phân tích nhu cầu học tập, lựa chọn hình thức học liệu phù hợp, vận dụng các nguyên tắc sư phạm và nguyên tắc thiết kế để xây dựng học liệu bảo đảm tính khoa học, tính trực quan và khả năng tương tác. Trong bối cảnh dạy học kết hợp, học liệu số không chỉ đóng vai trò cung cấp thông tin mà còn hỗ trợ người học tự học và tự điều chỉnh quá trình học tập. Vì vậy, học liệu cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, thuận tiện cho việc tiếp cận ở nhiều thời điểm và không gian khác nhau.

Kĩ năng giao tiếp sư phạm là khả năng sử dụng hiệu quả ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp nhằm truyền đạt thông tin, định hướng học tập và xây dựng mối quan hệ tích cực với người học. Kĩ năng này bao gồm sử dụng ngôn ngữ sư phạm phù hợp, đặt câu hỏi, lắng nghe, phản hồi và tạo môi trường giao tiếp an toàn. Trong bối cảnh dạy học kết hợp, giáo viên cần duy trì giao tiếp hiệu quả trên cả môi trường trực tiếp và môi trường số, bảo đảm sự kết nối và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập (Garrison & Kanuka, 2004).

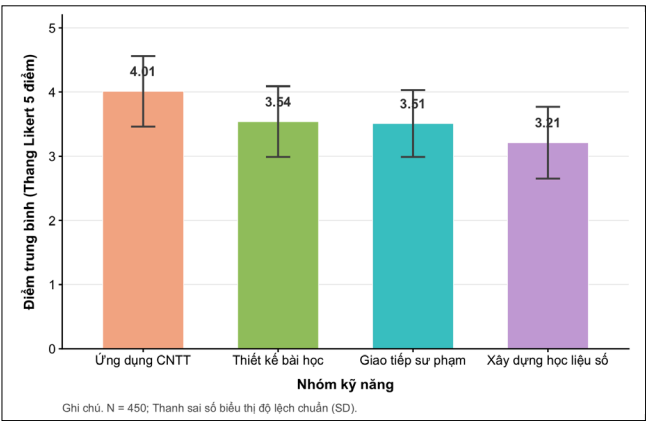
Kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học là khả năng lựa chọn, sử dụng và tích hợp các công nghệ số vào quá trình tổ chức, quản lí và đánh giá hoạt động học tập. Kĩ năng này bao gồm việc sử dụng các thiết bị và phần mềm dạy học, khai thác hệ thống quản lí học tập (LMS), tìm kiếm và đánh giá tài nguyên số, quản lí lớp học số và sử dụng dữ liệu học tập để hỗ trợ điều chỉnh quá trình dạy học. Khác với kĩ năng xây dựng học liệu số tập trung vào thiết kế và phát triển nội dung học tập, kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin nhấn mạnh việc khai thác và vận hành môi trường số nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học.

3.2. *Thực trạng kĩ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp*

3.2.1. *Thực trạng mức độ thành thạo kĩ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học*

Kết quả khảo sát 450 sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại 05 trường đại học cho thấy mức độ thành thạo bốn kĩ năng dạy học đạt điểm ở mức khá. Tuy

nhiên, có sự phân hóa rõ rệt giữa các kĩ năng, được thể hiện trong Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Mức độ thành thạo các kĩ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Phân tích số liệu cho thấy kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin được đánh giá cao nhất ($M=4,01$) với 59,6% sinh viên ở mức từ khá trở lên, phản ánh thể hệ sinh viên hiện nay có nền tảng số tương đối vững. Thứ hai, kĩ năng xây dựng học liệu số đạt điểm thấp nhất ($M=3,21$) với 32,0% sinh viên ở mức yếu. Điều này cho thấy, sinh viên thành thạo sử dụng công cụ công nghệ nhưng lại yếu trong việc tạo ra nội dung số để giảng dạy, trong khi đây chính là kĩ năng rất quan trọng trong dạy học kết hợp. Ngoài ra, kĩ năng thiết kế bài học và giao tiếp sư phạm đều ở mức khá nhưng tỉ lệ đạt mức tốt còn thấp, cho thấy sinh viên chưa đủ tự tin để vận dụng linh hoạt trong môi trường kết hợp đòi hỏi tính chủ động và sáng tạo cao.

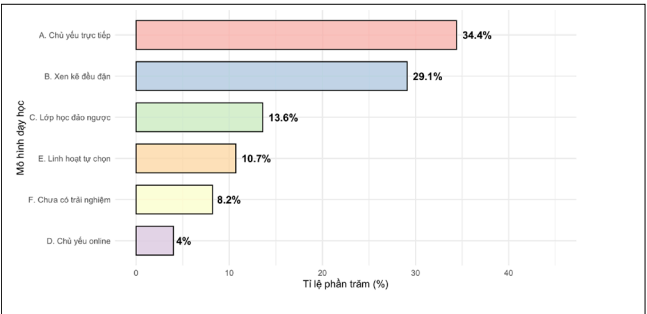
3.2.2. Thực trạng mức độ thành thạo và trải nghiệm rèn luyện kĩ năng dạy học của sinh viên với dạy học kết hợp

Kết quả cho thấy, 91,8% sinh viên (413/450) đã có trải nghiệm học tập theo ít nhất một mô hình trong các hình thức dạy học kết hợp, điều này cho thấy hình thức kết hợp không còn xa lạ trong đào tạo giáo viên (xem Bảng 1).

Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 2 cho thấy, mô hình phổ biến nhất trong đào tạo giáo viên tiểu học hiện nay là hình thức chủ yếu trực tiếp, bổ sung ít hoạt động trực tuyến, chiếm tới 34,4% sinh viên được khảo sát. Đây là mức độ triển khai đơn giản, trong đó công nghệ đóng vai trò hỗ trợ thuần túy mà chưa được tích hợp có chủ đích vào quá trình rèn luyện kĩ năng dạy học. Đáng chú ý hơn, mô hình lớp học đảo ngược được đánh giá là hình thức hiệu quả nhất trong việc phát triển đồng thời cả bốn kĩ năng dạy

Bảng 1: Phân bố sinh viên đã trải nghiệm theo hình thức dạy học kết hợp

Mô hình	Mô tả	Số lượng	Tỉ lệ (%)
A	Chủ yếu trực tiếp, ít online (80%/20%)	155	34,4
B	Xen kẽ đều đặn (50%/50%)	131	29,1
C	Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)	61	13,6
D	Chủ yếu online (80%/20%)	18	4,0
E	Linh hoạt tự chọn	48	10,7
F	Chưa có trải nghiệm	37	8,2



Biểu đồ 2: Phân bố sinh viên đã trải nghiệm theo hình thức dạy học kết hợp

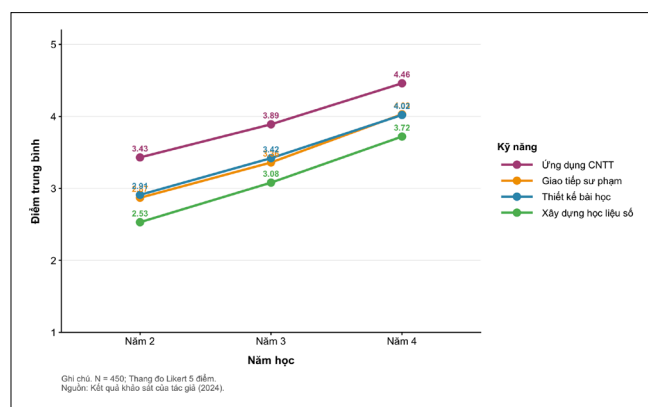
học trên vì đòi hỏi sinh viên phải chủ động thiết kế nội dung, xây dựng học liệu và tương tác đa kênh, song chỉ chiếm 13,6%, tỉ lệ thấp nhất trong số các mô hình có trải nghiệm. Bên cạnh đó, 8,2% sinh viên cho biết chưa từng có bất kì trải nghiệm nào với dạy học kết hợp trong suốt quá trình đào tạo, phản ánh sự không đồng đều về điều kiện triển khai giữa các cơ sở đào tạo. Nhìn tổng thể, các số liệu trên cho thấy mặc dù dạy học kết hợp đã được áp dụng trong đào tạo giáo viên tiểu học, việc triển khai vẫn mang tính tự phát và hình thức, chưa được thiết kế có chủ đích gắn với mục tiêu phát triển các kĩ năng dạy học một cách có hệ thống. Đây là khoảng cách cần được khắc phục trong việc đổi mới chương trình đào tạo giáo viên.

3.2.3. Sự phát triển kĩ năng dạy học theo tiến trình đào tạo

Sự phân hóa năng lực giữa các khóa học là kết quả của quá trình chuyển đổi từ kiến thức lí thuyết sang kĩ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên (xem Bảng 3, Biểu đồ 3). Đáng chú ý, kiểm định ANOVA

Bảng 3: Điểm trung bình 04 kĩ năng dạy học theo năm học

Kĩ năng	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Chênh lệch
Thiết kế bài học	2,91	3,42	4,02	+1,11
Xây dựng học liệu số	2,53	3,08	3,72	+1,20
Giao tiếp sư phạm	2,87	3,36	4,03	+1,15
Ứng dụng công nghệ thông tin	3,43	3,89	4,46	+1,02

**Biểu đồ 3:** Điểm trung bình các kĩ năng dạy học theo năm học

một chiều chỉ ra kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng học liệu số được cải thiện đáng kể khi sinh viên tiến dần về các năm cuối của chương trình đào tạo. Kết quả này phản ánh tính hiệu quả của việc tích hợp các học phần nghiệp vụ sư phạm trong môi trường dạy học kết hợp, giúp sinh viên không chỉ nắm vững công cụ mà còn biết cách cụ thể hóa chúng vào bài giảng thực tế.

4. Kết luận

Bài viết đã xây dựng cơ sở lý luận để phân tích một số kĩ năng dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong bối cảnh dạy học kết hợp, đồng

thời làm rõ đặc điểm và yêu cầu của từng kĩ năng trong môi trường học tập kết hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần bổ sung cách tiếp cận xem xét kĩ năng dạy học gắn với bối cảnh đào tạo cụ thể thay vì chỉ tiếp cận ở mức độ khái quát.

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên ngành Giáo dục tiểu học có mức độ thành thạo các kĩ năng được khảo sát ở mức khá, tuy nhiên còn có sự khác biệt giữa các kĩ năng. Đáng chú ý, kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin được đánh giá cao hơn trong khi kĩ năng xây dựng học liệu số có mức độ thành thạo thấp nhất. Kết quả này cho thấy, việc sử dụng công nghệ trong học tập và dạy học chưa đồng nghĩa với khả năng thiết kế các học liệu số phục vụ hoạt động sư phạm, qua đó phản ánh yêu cầu tăng cường phát triển năng lực sư phạm số cho sinh viên sư phạm.

Từ những kết quả nghiên cứu, các cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học cần quan tâm hơn đến việc phát triển kĩ năng xây dựng học liệu số, tăng cường các hoạt động học tập gắn với môi trường dạy học kết hợp và tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng công nghệ trong các tình huống dạy học thực tiễn. Đồng thời, việc tích hợp các hoạt động rèn luyện kĩ năng dạy học ngay từ giai đoạn đầu của chương trình đào tạo có thể góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên trước khi tham gia thực tập sư phạm.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông* (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT).
- Darling-Hammond, L., Hyler, M. E. & Gardner, M. (2017). *Effective teacher professional development*. Learning Policy Institute. <https://doi.org/10.54300/122.311>.
- Dziuban, C. D., Hartman, J. L. & Moskal, P. D. (2004). Blended learning. *EDUCAUSE Center for Applied Research Bulletin*, 2004(7), pp.1–12.
- Gage, N. L. (1968). Teaching methods. In R. L. Ebel (Ed.), *Encyclopedia of educational research* (4th ed.), pp.1446–1458. Macmillan.
- Galperin, P. Y. (1969). Stages in the development of mental acts. In M. Cole & I. Maltzman (Eds.), *A handbook of contemporary Soviet psychology*, pp.249–273. Basic Books.
- Garrison, D. R. & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7(2), pp.95–105.

- Graham, C. R. (2006). Blended learning systems: Definition, current trends, and future directions. In C. J. Bonk & C. R. Graham (Eds.), *The handbook of blended learning*, pp. 3–21. Pfeiffer.
- Hà Thị Lan Hương, Phạm Thị Kim Anh, Nguyễn Thu Hà & Dương Thị Thúy Hà. (2021). Phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 17(45), tr.1–8.
- Horn, M. B. & Staker, H. (2014). *Blended: Using disruptive innovation to improve schools*. Jossey-Bass.
- Lương Thị Thu Thủy & Nguyễn Thị Dung. (2024). Đặc điểm kỹ năng dạy học của sinh viên sư phạm trong thời đại chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục*, 24(3), tr.15–22.
- Mishra, P. & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), pp.1017–1054.
- Nguyễn Hoàng Trang, Nguyễn Hữu Chung, Mai Văn Hưng, Nguyễn Quang Huy, Kiều Cẩm Nhung, Đặng Trần Xuân & Trần Văn Thế. (2020). Dạy học kết hợp và tổ chức dạy học kết hợp tại trường trung học phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 485(kì 1 tháng 9 năm 2020), tr.33–38.
- Nguyễn Thị Nhân. (2016). *Rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận linh hoạt trong thực tập sư phạm*. Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Phan Thanh Long. (2004). *Các biện pháp rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Shulman, L. S. (1986). Those who understand: Knowledge growth in teaching. *Educational Researcher*, 15(2), pp.4–14. <https://doi.org/10.3102/0013189X015002004>.
- Shulman, L. S. (1987). Knowledge and teaching: Foundations of the new reform. *Harvard Educational Review*, 57(1), pp.1–22.
- Trần Kiều. (2018). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Trịnh Thị Phương Thảo, Hà Thị Nga, Nguyễn Thị Thu Hằng, Dương Thị Mai Thai, Huỳnh Thị Kiều Linh, Nguyễn Đình Huy Nhung, Nguyễn Đình Hoàng Giang & Đinh Nguyễn Vân. (2024). The Influence of Gender and Training Sector on the ICT Competency of Pre-Service Teachers in Vietnam: Using the UNESCO ICT Competency Framework. *International Journal of Learning Teaching and Educational Research*, 23(3), pp.411–427. <https://doi.org/10.26803/ijlter.23.3.20>.